

QUYẾT ĐỊNH THÔI HỌC CỦA SINH VIÊN CHÍNH QUY KHỐI NGÀNH KINH TẾ - KỸ THUẬT CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

Trần Thị Thu Hương¹

TÓM TẮT

Trong giai đoạn cạnh tranh khốc liệt của các cơ sở đào tạo chuyên nghiệp, quyết định thôi học của sinh viên, học viên là câu hỏi lớn cho các cơ sở giáo dục trên thế giới và Việt Nam. Họ luôn mong muốn tìm ra các nguyên nhân dẫn đến quyết định này, từ đó cải thiện các vấn đề liên quan nhằm nâng cao chất lượng đào tạo. Trong bài viết này tác giả đánh giá khái quát thực trạng thôi học của sinh viên chính quy khối ngành Kinh tế - Kỹ thuật của Trường Đại học Hồng Đức, đồng thời nghiên cứu mô hình các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định thôi học của sinh viên chính quy khối ngành Kinh tế - Kỹ thuật của Trường Đại học Hồng Đức, trên cơ sở đó, đề xuất một số giải pháp nhằm hạn chế tình trạng thôi học của sinh viên trong thời gian tới.

Từ khóa: Trường Đại học Hồng Đức, Kinh tế - Kỹ thuật, quyết định, sinh viên, thôi học.

DOI: <https://doi.org/10.70117/hdujs.72.02.2025.722>

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Vấn đề tuyển sinh, quản lý đào tạo và quản lý sinh viên luôn được đặt lên hàng đầu tại các cơ sở giáo dục Đại học, trong đó có Trường Đại học Hồng Đức. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, tỷ lệ sinh viên chính quy trong đó có sinh viên chính quy khối ngành Kinh tế - Kỹ thuật của Nhà trường hiện đang chiếm tỷ lệ thôi học cao với nhiều nguyên nhân khác nhau. Đây chính là một trong những vấn đề quan tâm không chỉ của các khoa đào tạo mà là nỗi trăn trở của tập thể lãnh đạo Nhà trường. Mặc dù trong những năm qua, Nhà trường đã không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, cải thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học và tổ chức nhiều chương trình hoạt động sôi nổi kết nối với các bên liên quan và hướng nghiệp cho sinh viên, song số lượng sinh viên nghỉ học vẫn tăng lên. Chính vì vậy, việc tìm ra các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định thôi học của sinh viên khối ngành Kinh tế - Kỹ thuật là hết sức cấp thiết, để kịp thời đưa ra được các giải pháp, khuyến nghị nhằm hạn chế tình trạng này, từ đó góp phần xây dựng Trường Đại học Hồng Đức ngày càng phát triển bền vững.

2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Khái niệm về vấn đề thôi học của sinh viên

Vấn đề sinh viên thôi học là một hiện tượng xã hội phức tạp và đã được các nhà nghiên cứu đề cập tuy nhiên đến nay chưa có khái niệm thống nhất. Tinto (1994) trong nghiên cứu

¹ Khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh,, Trường Đại học Hồng Đức; Email: tranthithuhuong@hdu.edu.vn

của mình đã cho rằng việc nghỉ học của một sinh viên là một quyết định được tích lũy cân nhắc và chuyển hóa trong một thời gian dài diễn ra tương tác giữa người học với cơ sở đào tạo và với cả các cấu trúc giáo dục của xã hội. Phan Đức Thuấn (2013) cho rằng: “Sinh viên thôi học là hành vi có chủ định rời bỏ giảng đường, thoát ly khỏi môi trường học tập tập trung và không còn sự quản lý của nhà trường” [5]. Từ những quan điểm trên, tác giả cho rằng: Sinh viên thôi học là quyết định rời bỏ giảng đường, thoát ly khỏi môi trường học trường học tập ở bậc đại học, cao đẳng và không chịu sự quản lý của nhà trường.

2.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định thôi học của sinh viên chính quy tại các trường đại học

2.2.1. Nhóm nhân tố thuộc về cá nhân

Nghiên cứu của Rumberger và Lim (2008), Phan Đức Thuấn (2013), Trịnh Thị Việt Hồng và cộng sự (2016), Hoàng Thị Diễm Ngọc và cộng sự (2019), Lê Thị Hồng Hạnh (2019) đã khẳng định: Sinh viên là những người trực tiếp quyết định thôi học do đó nhóm nhân tố thuộc về cá nhân như nhận thức, sức khỏe, khả năng học tập, động lực học tập, mối quan hệ xã hội của sinh viên... đều có ảnh hưởng đến quyết định thôi học của sinh viên chính quy tại các trường đại học [1][2][6][8][10].

2.2.2. Nhóm nhân tố thuộc về gia đình

Các nhân tố thuộc về gia đình cũng có ảnh hưởng nhất định đến quyết định thôi học của sinh viên. Lê Thị Hồng Hạnh (2019) cho rằng hoàn cảnh gia đình bao gồm quy mô và cấu trúc gia đình là nhân tố ảnh hưởng đến tình trạng bỏ học của học sinh. Nguyễn Thiệu Tuấn Long (2022) cũng đề cập đến yếu tố hoàn cảnh gia đình bao gồm: tài chính/nghề nghiệp, học vấn của bố mẹ là một trong những yếu tố thuộc về cá nhân có ảnh hưởng đến việc ra quyết định nghỉ học của sinh viên.

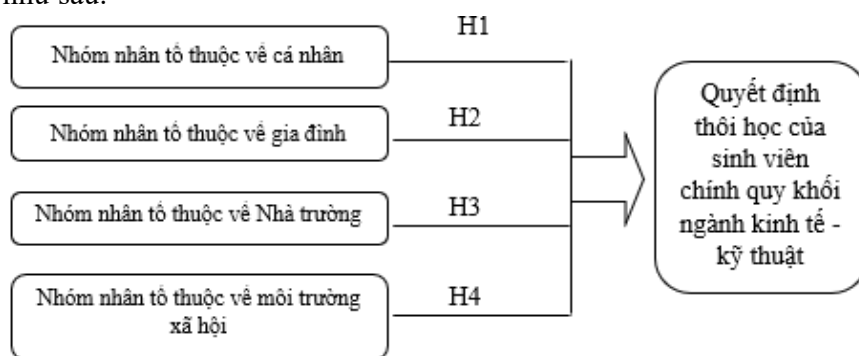
2.2.3. Nhóm nhân tố thuộc về Nhà trường

Các nhân tố thuộc về Nhà trường bao gồm: chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy, đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, sự hỗ trợ của các bộ phận trong nhà trường... đều có ảnh hưởng đến việc học tập của sinh viên. Các nghiên cứu tiêu biểu của Phan Đức Thuấn (2013), Tăng Thanh Mai (2014), Mai Thị Trúc Ngân và cộng sự (2020), Nguyễn Thiệu Tuấn Long (2022) đã khẳng định ảnh hưởng của những nhân tố này đến quyết định thôi học của sinh viên [3][4][5][8].

2.3.4. Nhóm nhân tố thuộc về môi trường xã hội

Mối quan hệ giữa nhà trường - gia đình - xã hội cũng là nhân tố ảnh hưởng đến việc nghỉ học của sinh viên, đây là kết quả nghiên cứu của một số tác giả như Phan Đức Thuấn (2013), Trịnh Thị Việt Hồng và Lê Huy Tùng (2016), Nguyễn Thiệu Tuấn Long (2022)... Bên cạnh đó, cơ hội nghề nghiệp có vai trò lớn đối với các quyết định của SV bao gồm cả quyết định thôi học [2][3][8]. Tufi và cộng sự (2015) cho rằng mong muốn chuyển sang trường khác và nhận thức về cơ hội việc làm là một trong những nguyên nhân gây ra tình trạng bỏ học đối với giáo dục trung học công lập tại Minas Gerais, Brazil [11]. Ngoài ra, hiện nay sinh viên ngoài việc học tập trau dồi kiến thức trên giảng đường còn mong muốn được tích lũy kinh nghiệm thực tế thông qua việc làm thêm.

Qua tổng quan nghiên cứu tác giả thấy rằng, các nhóm nhân tố đều có khả năng ảnh hưởng đến quyết định thôi học của sinh viên chính quy khối ngành Kinh tế - Kỹ thuật của Trường Đại học Hồng Đức. Chính vì vậy, tác giả đề xuất mô hình các nhân tố ảnh hưởng tới quyết định thôi học của sinh viên chính quy khối ngành Kinh tế - Kỹ thuật tại Trường Đại học Hồng Đức như sau:



Hình 1. Mô hình các nhân tố ảnh hưởng tới quyết định thôi học của sinh viên chính quy khối ngành Kinh tế - Kỹ thuật tại Trường Đại học Hồng Đức

(Nguồn: Tác giả đề xuất)

2.3. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp thu thập thông tin, phương pháp xử lý thông tin và phân pháp phân tích thông tin là các phương pháp được sử dụng trong nghiên cứu này. Thông tin được thu thập là các báo cáo về tình hình thôi học của sinh viên chính quy khối ngành Kinh tế - Kỹ thuật, trường ĐH Hồng Đức giai đoạn 2021 - 2024, đồng thời tác giả còn nghiên cứu các tài liệu như tạp chí, bài báo, kỷ yếu hội thảo... có liên quan đến đề tài. Bên cạnh đó, sử dụng phương pháp điều tra thông qua phiếu khảo sát để thu thập thông tin, số liệu. Phương pháp phỏng vấn cũng được sử dụng để phỏng vấn sâu các đối tượng bao gồm: các chuyên gia, giảng viên, sinh viên để hiệu chỉnh và hoàn thiện các thang đo đo lường các nhân tố ảnh hưởng. Để xử lý thông tin, tác giả sử dụng phương pháp phân tổ thống kê, kết hợp với phần mềm SPSS 20 để xử lý và tổng hợp các số liệu điều tra. Tiếp theo sử dụng phương pháp thống kê so sánh, đối chiếu các số liệu tuyệt đối, tương đối kết hợp với việc phân tích, đánh giá dữ liệu, sơ đồ, bảng biểu đồng thời với các phương pháp phân tích số liệu như phương pháp thống kê mô tả, phân tích nhân tố khám phá EFA, phân tích tương quan, phân tích hồi quy bội... nhằm kiểm định các giả thuyết của mô hình và đo lường mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến quyết định thôi học của sinh viên chính quy khối ngành Kinh tế - Kỹ thuật tại Trường Đại học Hồng Đức.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Kết quả nghiên cứu

3.1.1. Thực trạng tình hình thôi học của sinh viên chính quy Khối ngành Kinh tế - Kỹ thuật của Trường Đại học Hồng Đức

Xu thế hội nhập kinh tế cùng với sự phát triển của khoa học công nghệ đã và đang tạo nhiều cơ hội và thách thức cho giáo dục đại học. Trong những năm gần đây, tại Trường Đại học Hồng Đức số lượng sinh viên nghỉ học ngày càng gia tăng trong đó có khá nhiều sinh viên khối ngành kinh tế - kỹ thuật mặc dù Nhà trường đã có nhiều biện pháp giúp đỡ, động viên khuyến khích sinh viên và gia đình. Tính đến tháng 9/2024 số lượng sinh viên khối ngành kinh tế - kỹ thuật nghỉ học là 562 sinh viên trong đó Khoa KT - QTKD có 345 sinh viên (chiếm tỷ lệ 61,39%), Khoa KTCN có 73 sinh viên (chiếm tỷ lệ 12,99%) và Khoa CNTT&TT có 144 sinh viên (chiếm tỷ lệ 25,62%). Do đặc thù số lượng sinh viên tuyển sinh vào Khoa KT - QTKD hàng năm lớn do đó tính đến nay tỷ lệ sinh viên nghỉ học cũng nhiều hơn.

Bảng 1. Thống kê tình hình nghỉ học của sinh viên khối ngành Kinh tế - Kỹ thuật Trường Đại học Hồng Đức tính đến tháng 9/2024

STT	Khoa	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Tổng cộng
1	Khoa KT - QTKD	47	83	135	80	345
2	Khoa KTCN	5	8	51	9	73
3	Khoa CNTT&TT	16	24	43	61	144
	Tổng cộng	68	115	229	150	562

Nguồn: Phòng Giáo dục Chính trị và Công tác Học sinh Sinh viên

3.1.2. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định thôi học của sinh viên chính quy Khối ngành Kinh tế - Kỹ thuật của Trường Đại học Hồng Đức

Với tổng thể là 562 sinh viên, nhóm nghiên cứu thực hiện điều tra phát phiếu điều tra đến 352 sinh viên có khả năng tiếp cận và sẵn sàng trả lời cho vấn đề này. Trong đó có 214 sinh viên khoa KT - QTKD, 46 sinh viên khoa Kỹ thuật công nghệ và 92 sinh viên khoa CNTT&TT. Thời gian thu thập mẫu được thực hiện 5 đến tháng 6 năm 2024. Phương pháp thu thập được sử dụng đối với sinh viên nghỉ học là gửi gián tiếp thông qua google form. Tổng số phiếu gửi đi là 225 phiếu trong đó có 18 phiếu không hợp lệ và 7 phiếu không phản hồi. Kết quả có 200 phiếu hợp lệ được sử dụng để phân tích.

Kết quả kiểm định độ tin cậy của các thang đo bằng hệ số Cronbach's Alpha

Kiểm định độ tin cậy của các thang đo bằng hệ số Cronbach's Alpha nhằm mục tiêu sàng lọc, loại bỏ các biến quan sát không đáp ứng tiêu chuẩn. Kết quả kiểm định độ tin cậy của các thang đo đều lớn hơn 0,8 đáp ứng độ tin cậy (kết quả thể hiện trong bảng 2).

Bảng 2. Kết quả kiểm định độ tin cậy của các thang đo bằng hệ số Cronbach's Alpha

Mã hóa	Nhân tố	Conbach's Alpha
CN	Nhóm nhân tố thuộc về cá nhân	0,848
GD	Nhóm nhân tố thuộc về gia đình	0,919
NT	Nhóm nhân tố thuộc về nhà trường	0,922
XH	Nhóm nhân tố thuộc về xã hội	0,849
QD	Quyết định thôi học của sinh viên chính quy khối ngành kinh tế - kỹ thuật	0,925

(Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu)

Kết quả phân tích nhân tố khám phá

Để phân tích khám phá nhân tố EFA, tác giả sử dụng phương pháp trích Principal components với phép xoay Varimax để phân tích nhân tố cho các biến độc lập với hệ số tải nhân tố (factor loading) $\geq 0,5$ để có ý nghĩa thực tiễn. Đồng thời, thực hiện kiểm định KMO and Bartlett's xem xét giả thuyết về độ tương quan giữa các biến quan sát (Hoàng Trọng, 2008).

Bảng 3. Kết quả kiểm định KMO and Bartlett's

KMO and Bartlett's Test		
Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.		.871
Bartlett's Test of Sphericity	Approx. Chi-Square	5435.918
	df	190
	Sig.	.000

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu

Từ bảng 3 ta thấy: Hệ số KMO là 0,871 (thỏa mãn điều kiện), kiểm định Bartlett's về sự tương quan của các biến quan sát có ý nghĩa thống kê (sig. = 0,000 < 0,05) chứng tỏ các biến có liên quan chặt chẽ với nhau.

Đồng thời, kết quả phân tích nhân tố cho các biến độc lập cho thấy: Tổng phương sai trích bằng 77,547 % (> 50%) đạt yêu cầu và cho biết các nhân tố giải thích được 77,547% độ biến thiên của dữ liệu. Như vậy, kết quả phân tích EFA là hoàn toàn phù hợp. Đồng thời, tất cả các biến đều có hệ số tải nhân tố lớn hơn 0,5 và không có sự xáo trộn giữa các biến quan sát trong các nhân tố theo mô hình đề xuất nên tác giả vẫn giữ nguyên tên gọi các nhân tố và các biến trong mô hình

Phân tích hồi quy tuyến tính đa biến

Để đánh giá mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến quyết định nghỉ học của sinh viên chính quy khối ngành Kinh tế - Kỹ thuật Trường Đại học Hồng Đức, tác giả sử dụng mô hình hồi quy đa biến. Sau khi xử lý dữ liệu trên phần mềm SPSS cho kết quả như sau:

Bảng 4. Kiểm định sự phù hợp của mô hình

Model	R	R Square	Adjusted R Square	Std. Error of the Estimate	Change Statistics					Durbin-Watson
					R Square Change	F Change	df1	df2	Sig. F Change	
1	.735 ^a	.541	.535	.67497	.541	102.089	4	347	.000	2.033

Nguồn: Kết quả xử lý số liệu

Qua bảng 4 ta thấy, hệ số R^2 điều chỉnh là 0,535 nghĩa là các biến độc lập giải thích được 53,5% biến thiên của biến phụ thuộc quyết định thôi học của SV. Hệ số Durbin-Watson = 2,033 (thỏa mãn điều kiện lớn hơn 1 và nhỏ hơn 3) cho biết không có hiện tượng tự tương quan giữa các biến. Bên cạnh đó, kết quả phân tích ANNOVA cho thấy mức ý nghĩa Sig. rất nhỏ (Sig. = 0,000 < 0,05) nghĩa là mô hình hồi quy tuyến tính bội đưa ra là phù hợp với tổng thể.

Đồng thời, kết quả phân tích hồi quy bội cho thấy: tất cả các biến độc lập đều có Sig. nhỏ hơn 0,05 tức là tất cả các yếu tố độc lập đều có ảnh hưởng đến quyết định nghỉ học của SV chính quy khối ngành Kinh tế - Kỹ thuật Trường Đại học Hồng Đức. Mức độ quan trọng của từng yếu tố tùy thuộc vào hệ số Beta đã chuẩn hóa (xét về giá trị tuyệt đối của hệ số) hay nhân tố nào có hệ số Beta đã chuẩn hóa lớn thì tác động mạnh đến quyết định nghỉ học của SV chính quy khối ngành Kinh tế - Kỹ thuật Trường Đại học Hồng Đức. Bên cạnh đó, kết quả cũng cho ta thấy giá trị Sig. của các nhân tố đều rất nhỏ ($< 0,05$). Vì vậy, các giá trị này đều đạt ý nghĩa thống kê. Đồng thời hệ số phóng đại VIF < 2 chứng tỏ không có hiện tượng đa cộng tuyến giữa các biến độc lập, điều này phù hợp với giả định nghiên cứu này là các biến số dự báo độc lập lẫn nhau. Ta có phương trình hồi quy chuẩn hóa như sau:

$$QD = 0,049XH + 0,045CN + 0,254GD + 0,177NT$$

Trong đó: QD: Là quyết định thôi học của SV; XH: là nhân tố thuộc về môi trường xã hội; CN: là nhân tố thuộc về cá nhân; GD: là nhân tố thuộc về gia đình; NT: là nhân tố thuộc về nhà trường

3.2. Thảo luận kết quả nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu cho thấy, tình trạng nghỉ học của SV khối ngành Kinh tế - Kỹ thuật của Trường Đại học Hồng Đức vẫn còn nhiều và phân bố ở SV các khóa, các ngành. Đồng thời, có 4 nhóm nhân tố ảnh hưởng đến quyết định thôi học của sinh viên chính quy khối ngành Kinh tế - Kỹ thuật tại Trường Đại học Hồng Đức bao gồm: Nhóm nhân tố thuộc về môi trường xã hội; Nhóm nhân tố thuộc về cá nhân; Nhóm nhân tố thuộc về gia đình và Nhân tố thuộc về nhà trường. Kết quả này cũng phù hợp với các nghiên cứu trước đây của Phan Đức Thuận (2013), Trịnh Thị Việt Hồng và Lê Huy Tùng (2016).

Trong các nhóm nhân tố ảnh hưởng thì nhóm nhân tố thuộc về cá nhân là nhân tố có tác động mạnh cùng chiều đến quyết định thôi học của SV, tiếp theo là nhóm nhân tố thuộc về môi trường xã hội, nhóm nhân tố thuộc về gia đình và cuối cùng là nhóm nhân tố thuộc về nhà trường. Cả bốn nhóm nhân tố đều có tác động cùng chiều đến quyết định thôi học của sinh viên chính quy khối ngành Kinh tế - Kỹ thuật tại Trường Đại học Hồng Đức.

3.3. Một số giải pháp hạn chế quyết định thôi học của sinh viên chính quy khối ngành Kinh tế - Kỹ thuật tại Trường Đại học Hồng Đức

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, tác giả đề xuất một số giải pháp hạn chế quyết định thôi học của sinh viên chính quy khối ngành Kinh tế - Kỹ thuật tại Trường Đại học Hồng Đức trong thời gian tới như sau:

3.3.1. Nâng cao nhận thức trách nhiệm của cá nhân sinh viên đối với việc học tập tại trường

Đây là biện pháp giữ vị trí vai trò quan trọng nhất góp phần ngăn chặn quyết định thôi học của sinh viên Trường Đại học Hồng Đức nói chung và sinh viên chính quy khối ngành Kinh tế - Kỹ thuật nói riêng. Bởi vì, nhận thức là cơ sở của hành động, nhận thức đúng làm tiền đề cho hành động đúng và ngược lại. Do vậy, trong thời gian tới cần phải tăng cường các hoạt động cụ thể:

Tổ chức tốt hơn nữa tuần lễ sinh viên để giáo dục về chính trị tư tưởng, bổn phận, nghĩa vụ của sinh viên đối với gia đình, nhà trường và xã hội.

Tổ chức các buổi chuyên đề, semina, hội thảo về trách nhiệm của sinh viên trong thời đại mới, trong đó khẳng định quyền lợi và nghĩa vụ của sinh viên trong thời đại mới.

Tạo động lực học tập cho sinh viên thông qua hướng dẫn SV lập mục tiêu và kế hoạch học tập; Tổ chức đa dạng các diễn đàn về các chủ đề lập thân - lập nghiệp với các diễn giả là các cựu sinh viên, những người trưởng thành từ chính môi trường học tập của các em để sinh viên có góc nhìn trực quan và ngưỡng mộ đối với các cựu sinh viên thành đạt.

3.3.2. Cải thiện các yếu tố liên quan đến Nhà trường nhằm tạo sức hấp dẫn, thu hút đối với các sinh viên

Về cơ sở vật chất

Nhà trường cần rà soát lại toàn bộ cơ sở vật chất tại khu giảng đường và khu làm việc của cán bộ, giảng viên để kịp thời sửa chữa, nâng cấp, bổ sung, đáp ứng nhanh chóng cho hoạt động giảng dạy và học tập. Nâng cấp, mở rộng các khu nhà ở, ký túc xá sinh viên nhằm hỗ trợ cho các sinh viên xa nhà được ở gần trường, thuận lợi cho việc di chuyển, học tập. Khuyến khích giảng viên trong trường biên soạn tài liệu dạy và học có sự tham khảo tài liệu nước ngoài nhằm chủ động và làm phong phú hơn hệ thống học liệu của nhà trường. Đa dạng các sân chơi thể thao để sinh viên học tập tại trường và sống nội trú có nhiều lựa chọn tham gia các hoạt động thể thao để nâng cao thể lực. Đầu tư xây dựng thêm nhà để xe gần với các khu giảng đường để tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên và giảng viên trong việc di chuyển giữa các giảng đường.

Về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo có ý nghĩa rất quan trọng đối với giáo dục trong các trường Đại học. Khối ngành Kinh tế - Kỹ thuật của Trường Đại học Hồng Đức đã được xây dựng theo định hướng ứng dụng và luôn được chỉnh lý từng năm để cập nhật các xu hướng phát triển mới nhất của ngành nghề. Để nâng cao tính thực tiễn, Nhà trường cần thực hiện đảm bảo hiệu quả một số nội dung như: Tập huấn, hướng dẫn việc lấy ý kiến của các bên liên quan trong quá trình xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần. Hằng năm xây dựng kế hoạch lấy ý kiến của các bên liên quan về chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần và thống nhất giữa các đơn vị trong trường. Đa dạng các hình thức lấy ý kiến của các bên liên quan trong xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần. Bên cạnh đó, nâng cao hiệu quả của việc thực hiện tham khảo, đối sánh với một số chương trình đào tạo tương ứng đã được kiểm định của nước ngoài trong quá trình thực hiện xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần.

Về phương pháp giảng dạy kết hợp linh hoạt của giảng viên

Giảng viên cần phải sử dụng kết hợp các phương pháp dạy học theo hướng tích cực, lấy sinh viên làm trung tâm, tạo hứng thú cho người học thông qua bài giảng của mình. Đối

với sinh viên khối ngành Kinh tế, giảng viên cần không ngừng cập nhật những tình huống cụ thể trong thực tế và bám sát với sự biến động của kinh tế - xã hội để hiện thực hóa những kiến thức lý thuyết. Đối với đặc thù các môn học thuộc ngành kỹ thuật, công nghệ cần tăng cường hơn nữa việc thực hành thực tế.

Về đội ngũ giảng viên

Mỗi thầy cô là tấm gương học tập và phấn đấu trong công việc và cuộc sống đời thường. Hình ảnh thầy cô giáo trong quá trình lập thân, lập nghiệp có sức hút rất lớn để sinh viên ngưỡng mộ và học hỏi. Giảng viên cần chủ động nâng cao kiến thức chuyên môn, kỹ năng giảng dạy để ngày càng hoàn thiện bản thân. Bên cạnh đó, giảng viên cũng cần tích cực trong hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học không chỉ chuyển giao kiến thức chuyên môn mà tạo động lực cho các em để các em có niềm tin trong cuộc sống và định hướng tương lai.

Về các hoạt động đoàn hội

Ban Thường vụ Đoàn trường - Ban Thư ký Hội Sinh viên trường luôn đặt mục tiêu lấy việc nâng cao chất lượng học tập của sinh viên làm trọng tâm, mọi hoạt động đều nhằm tạo môi trường cho sinh viên trường hỗ trợ công tác học tập và nghiên cứu khoa học của sinh viên. Đối với hoạt động học tập và nghiên cứu khoa học của sinh viên thì vai trò của của tổ chức Đoàn Thanh niên - Hội Sinh viên là hết sức quan trọng. Từ đây Đoàn Thanh niên - Hội Sinh viên Nhà trường xác định cần phải thực hiện cả vai trò định hướng và vai trò tạo môi trường học tập, hoạt động cho sinh viên.

3.3.3. Tăng cường mối quan hệ giữa nhà trường - gia đình và xã hội trong quản lý sinh viên

Sự phối hợp của nhà trường, gia đình, xã hội đôi khi còn chưa chặt chẽ trong việc chăm lo đời sống của sinh viên cả về vật chất và tinh thần để sinh viên có đủ điều kiện và yên tâm học tập rèn luyện trong nhà trường, làm cho tình trạng bỏ học cũng giảm đi. Các giải pháp cụ thể như sau:

Nhà trường tăng cường tương tác với gia đình về kết quả học tập, kết quả rèn luyện của sinh viên trong từng học kỳ để gia đình nắm bắt kịp thời. Trường hợp sinh viên có kết quả học tập, rèn luyện chưa tốt cần gửi cảnh báo học vụ trực tiếp tới gia đình và gọi điện thoại trao đổi.

Nhà trường gia tăng các hoạt động kết nối với gia đình của sinh viên như bên cạnh các buổi lễ tuyên dương thành tích của sinh viên nên có thêm sự hiện diện của các bậc phụ huynh để học được chứng kiến các thời điểm quan trọng khẳng định những kết quả đạt được và sự trưởng thành của con mình cần có thêm các diễn đàn để phụ huynh góp thêm tiếng nói và góc nhìn của họ về nhà trường để các thầy cô cũng nghe được những ý kiến phản hồi về quá trình đào tạo và gắn kết hơn giữa thầy cô giáo, nhà trường và gia đình của sinh viên.

3.3.4. Nhà trường làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục

Công tác xã hội hóa giáo dục giúp cho Nhà trường có đầy đủ nguồn lực để thực hiện tốt hơn các nhiệm vụ giáo dục đào tạo. Theo đó một số giải pháp cần triển khai đó là:

Nhà trường ký kết các cam kết với các doanh nghiệp để hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập mà cụ thể là hoạt động kiến tập và thực hành thực tập.

Tìm đầu ra cho các sinh viên với các địa chỉ tin cậy hai chiều từ cơ sở đào tạo và đơn vị tuyển dụng.

Tổ chức các dịch vụ tìm việc cho sinh viên làm thêm trong quá trình học tập tại trường nhằm giúp sinh viên có thêm cơ hội tìm việc trang trải kinh phí học tập, nắm bắt được các địa chỉ đang có sinh viên của mình tham gia lao động.

Các hoạt động là các diễn đàn học thuật hay văn hóa, thể thao nên có thêm các thành viên tham gia là các doanh nghiệp trong lĩnh vực phù hợp để góp thêm tiếng nói và hình ảnh, tạo niềm tin và động lực cho sinh viên từ sự gắn kết thường xuyên này.

4. KẾT LUẬN

Với xu hướng đổi mới không ngừng và hội nhập ngày càng cao, các cơ sở giáo dục Đại học đang chuyển mình để đón chờ các cơ hội và đối mặt với các thách thức. Vấn đề tuyển sinh đã và đang là bài toán khó nhưng làm sao để hạn chế tình trạng sinh viên nghỉ học lại càng khó hơn. Trên cơ sở thực trạng và kết quả phân tích mô hình các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định thôi học của sinh viên chính quy khối ngành Kinh tế - Kỹ thuật Trường Đại học Hồng Đức, tác giả đã đề xuất các giải pháp nhằm đỡ hạn chế quyết định thôi học của sinh viên chính quy khối ngành Kinh tế - Kỹ thuật Trường Đại học Hồng Đức trong thời gian tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Lê Thị Hồng Hạnh (2019), *Nhân tố ảnh hưởng đến tình trạng bỏ học của học sinh trung học cơ sở huyện An Phú, tỉnh An Giang*, Tạp chí hoa học Đại học Đồng Tháp, 36(2):72-81.
- [2] Trịnh Thị Việt Hồng và Lê Huy Tùng (2016), *Một số giải pháp giảm tỷ lệ học sinh, sinh viên bỏ học tại các cơ sở giáo dục nghề*, Tạp chí khoa học giáo dục, 128(5):36-38.
- [3] Nguyễn Thiệu Tuấn Long (2022), *Các yếu tố ảnh hưởng tới quyết định nghỉ học của sinh viên - Từ tổng quan lý thuyết tới mô hình thực nghiệm*, Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế, 21(3):105-116.
- [4] Tăng Thanh Mai (2014), *Tăng cường hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên trường Đại học ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng*, Tạp chí khoa học công nghệ Đại học Đà Nẵng, Đại học Đà Nẵng, 10(83):12-15.
- [5] Mai Thị Trúc Ngân, Nguyễn Đỗ Bích Nga, Huỳnh Mỹ Tiên (2020), *Các yếu tố ảnh hưởng đến động cơ học tập của sinh viên khối kinh tế trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng*, Tạp chí Giáo dục, 472(2):22-28.
- [6] Hoàng Thị Diễm Ngọc và Hồ Xuân Ngọc (2019), *Các yếu tố tâm lý xã hội ảnh hưởng đến nguy cơ bỏ học của sinh viên Trường Đại học Thăng Long*, Tạp chí Tâm lý học, 10(247):50-61.
- [7] Lê Thị Thanh Thu (2013), *Tại sao sinh viên từ xa trường Đại học Mở thành phố Hồ Chí Minh bỏ học?*, Tạp chí khoa học Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh, 9(1):33-38.

- [8] Phan Đức Thuận (2013), *Biện pháp quản lý nhằm khắc phục tình trạng bỏ học của sinh viên trường Đại học Hùng Vương thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn thạc sĩ quản lý giáo dục, Học viện chính trị, Bộ quốc phòng, Hà Nội.
- [9] Marco Romito, Silvia Pilutti, Dalit Contini (2020), *Why do students leave university? Qualitative research at an Italian higher education institution*, European Journal of Education, DOI: 10.1111/ejed.12408
- [10] Rumberger, Russell W. LIM, Sun Ah (2008), *Why students drop out of school: a review of 25 years of research. Santa Barbara: University of California*, California dropout research project: Report 15.
- [11] Tufi Machado Soares, Neimar da Silva Fernandes, Mariana Calife Nóbrega, Alexandre Chibebe Nicolella (2015), *Factors associated with dropout rates in public secondary education in Minas Gerais*, Educ. Pesqui., São Paulo, 41(3):757-772.

DECISION TO DROP OUT OF FULL-TIME STUDENTS MAJORING IN ECONOMICS - ENGINEERING OF HONG DUC UNIVERSITY: CURRENT SITUATION AND SOLUTIONS

Tran Thi Thu Huong

ABSTRACT

In the period of fierce competition among professional training institutions, the decision of students to drop out of school is a big question for educational institutions in the world and Vietnam. They always want to find out the reasons leading to this decision, thereby improving related issues to improve training quality. This article studies the drop-out situation of full-time students majoring in Economics - Engineering at Hong Duc University and analyzes the model of factors affecting the decision to drop out of full-time students majoring in Economics - engineering at Hong Duc University has proposed solutions to limit this situation in the future.

Keywords: *Hong Duc University, Economics - engineering, decide, student, drop out of school.*

* Ngày nộp bài: 9/12/2024; Ngày gửi phản biện: 16/12/2024; Ngày duyệt đăng: 28/02/2025